

Số: 42/2026/QĐST - HNGĐ

Hưng Yên, ngày 23 tháng 4 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 89/2026/TLST - HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2026, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị M**, sinh năm: 1984

2. Bị đơn: Anh **Chu Mạnh H**, sinh năm: 1980

Cùng HKTT và hiện đều trú tại: Thôn P, xã M, tỉnh Hưng Yên.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Cháu **Chu Thị Phương A**, sinh ngày 18/6/2005

2. Cháu **Chu Mai T**, sinh ngày 01/11/2008

3. Cháu **Chu Mai A1**, sinh ngày 21/7/2020

Cùng HKTT và hiện đều trú tại: Thôn P, xã M, tỉnh Hưng Yên.

Người giám hộ cho cháu Chu Mai T và cháu Chu Mai A1 là chị M, chị H là bố, mẹ đẻ của các.

Căn cứ vào Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 58; Điều 81; Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15/4/2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 15 tháng 4 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa Chị **Phạm Thị M** và anh **Chu Mạnh H**.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Phạm Thị M và anh Chu Mạnh H thuận tình ly hôn.

- **Về con chung và cấp dưỡng:** Chị Phạm Thị M và anh Chu Mạnh H cùng xác nhận vợ chồng có 03 con chung là cháu Chu Thị Phương A, sinh ngày 18/6/2005, cháu Chu Mai T, sinh ngày 01/11/2008 và cháu Chu Mai A1, sinh ngày 21/7/2020.

Chị M, anh H cùng thống nhất thỏa thuận:

Giao anh Chu Mạnh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Chu Mai T đến khi cháu T đủ 18 tuổi và có khả năng lao động Giao chị Phạm Thị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Chu Mai A1 đến khi cháu A1 đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Đối với cháu Chu Thị Phương A do cháu đã trưởng thành và đủ khả năng lao động nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Chị M, anh H thống nhất không bên nào phải cấp dưỡng, nuôi con.

Sau khi ly hôn, chị M, anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- **Về tài sản chung, công nợ và đất đai chung:** Các đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, công nợ và đất ruộng nông nghiệp nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

- **Về án phí:** Chị Phạm Thị M tự nguyện chịu 150.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Đối trừ với số tiền tạm ứng án phí đã nộp, chị M đã nộp xong án phí ly hôn sơ thẩm. Hoàn trả chị Phạm Thị M số tiền 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chị M đã nộp theo biên lai thu số 0001610 ngày 02/4/2026 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- VKSND khu vực 4 – Hưng Yên;
- Phòng THADS khu vực 4 – Hưng Yên;
- UBND xã Mỹ Sở, tỉnh Hưng Yên (ĐKKH số 49 ngày 01/10/2004);
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

THẨM PHÁN

Nguyễn Nam Thắng

